

Bản án số: **22/2022/HNGĐ - ST**
Ngày: 08-8-2022
V/v: “**Tranh chấp về ly hôn**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Lam**

2. Ông **Đinh Hữu Luynh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Đường L, phường X, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Quang L**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị L, anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022 và lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Quang L sau thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 04 năm, đến ngày 19/5/2020 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Việc kết hôn là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống giữa hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình nhà anh L tại thôn N, xã K, huyện Đ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, đến khi chị sinh con thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L sống không có trách nhiệm với gia đình và quan tâm đến vợ con, không có sự chia sẻ cảm thông, từ đó dẫn đến vợ chồng dần có khoảng cách và xảy ra xích mích, cãi vã lẫn nhau. Ngoài ra, việc sống chung với gia đình chồng thì giữa chị với bố mẹ chồng cũng có mâu thuẫn. Về phía anh L không quan tâm, phân tích, hòa giải để cuộc sống vợ chồng bớt căng thẳng; không làm được điều đó, anh L lại cùng bố mẹ chồng chửi bới chị, đỉnh

điểm vào cuối tháng 4/2022 vợ chồng chị xảy ra xung đột, cãi vã. Do không chịu đựng được cuộc sống ngột ngạt, căng thẳng nên chị đã chuyển về nhà mẹ ruột tại phường X, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, người nào chỉ biết bổn phận của người ấy, không ai quan tâm đến ai.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quang L.

Về con chung: Vợ chồng chị có một người con chung là cháu Trần Mộc Tr, sinh ngày 05/01/2021. Hiện nay cháu đang ở với chị tại Bảo Lộc. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng, bắt đầu từ tháng 7/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Quang L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L trình bày về quá trình tìm hiểu, kết hôn như trên là đúng sự thật. Anh và chị L sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND phường X, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng ngày 19/5/2020, có tổ chức lễ cưới, việc kết hôn là tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian, đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống giữa vợ chồng có nhiều khác biệt, không có sự tin tưởng, chia sẻ, cảm thông. Việc làm ăn của anh gặp khó khăn nên phải đi ra huyện Đức Trọng làm kiếm thêm thu nhập nhưng chị L không hiểu, dẫn đến vợ chồng xảy ra xích mích, cãi vã. Mâu thuẫn của vợ chồng thì bố mẹ anh hòa giải, khuyên bảo nhưng không cải thiện được. Anh cũng thừa nhận từ tháng 4/2022, chị L đã chuyển về phường X, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh và chị L có một người con chung là cháu Trần Mộc Tr, sinh ngày 05/01/2021. Ly hôn, anh đồng ý giao cháu Tr cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, bắt đầu từ tháng 7/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung.

Nguyên đơn chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L, bị đơn anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng là

nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Kim L và anh Trần Quang L được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Trần Mộc Tr cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, bắt đầu từ tháng 7/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L, anh L không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về nợ chung: Chị L, anh L không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết ly hôn với anh L. Anh L có địa chỉ cư trú tại Thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp về ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, chị L, anh L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L đã được UBND phường X, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2020 ngày 19/5/2020. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị L, anh L là hợp pháp.

Chị L, anh L đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên thiếu tin tưởng, tôn trọng, không có sự chia sẻ, cảm thông lẫn nhau. Từ tháng 04/2022, chị L đã chuyển về nhà mẹ ruột tại phường X, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bốn phận của người ấy.

Tại biên bản xác minh ngày 08/6/2022, anh Nguyễn Đăng L là anh ruột của chị L cho biết “*Cuộc sống chung của vợ chồng chị L, anh L chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc. Nhiều lần chị L gọi điện thoại về cho mẹ và gia đình anh tâm sự cho biết về cuộc sống với anh L không hạnh phúc. Do cuộc sống không hạnh phúc nên tháng 4/2022, chị L đã chuyển về phường X, thành phố B ở cùng mẹ anh và vợ chồng ly thân từ đó*” (bút lục 29). Tại biên bản xác minh ngày 04/7/2022, ông Bùi Văn Q là

trưởng thôn N, xã K cho biết “Anh L, chị L là người địa phương, kết hôn năm 2020 và chung sống tại thôn N, xã K. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau nên chị L đã chuyển về nhà mẹ ruột tại thành phố Bảo Lộc sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau” (bút lục 33).

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh L là có xảy ra trên thực tế, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ mà đã sống ly thân, người nào chỉ biết bốn phận của người đó, mâu thuẫn xảy ra nhưng các bên không có biện pháp giải quyết, hàn gắn tình cảm. Cả chị L và anh L đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu được ly hôn, về phía anh L cũng đồng ý. Từ những phân tích nêu trên cho thấy quan hệ hôn nhân của chị L, anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị L và anh L được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị L, anh L đều xác nhận có một người con chung là cháu Trần Mộc Tr, sinh ngày 05/01/2021. Theo tài liệu có trong hồ sơ, chị L và anh L đều thể hiện ý kiến thống nhất giao cháu Tr cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét ý kiến của các bên về việc nuôi dưỡng con và mức cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81; Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Tr cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L, anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị L, anh L xác nhận không có nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về nợ chung.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh L phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 220, 227, 228, 238, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L đối với bị đơn anh Trần Quang L.

Cho chị Nguyễn Thị Kim L và anh Trần Quang L được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Trần Mộc Tr, sinh ngày 05/01/2021 cho chị Nguyễn Thị Kim L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Quang L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, thời gian từ tháng 7/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0003971 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (chị L đã nộp đủ). Anh Trần Quang L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND phường X, TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Luyện Thanh Sơn